

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh theo lĩnh vực năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 114/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2022 - 2025.

Căn cứ Công văn số 4205/BTC-NSNN ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Xét Tờ trình số 403/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2025, Báo cáo số 388/BC-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1144/BC-KTNS ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của Đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh theo lĩnh vực năm 2025, như sau:

- Điều chỉnh giảm dự toán thu điều tiết ngân sách huyện: 1.573.903 triệu đồng.
- Điều chỉnh tăng dự toán thu điều tiết ngân sách cấp tỉnh: 1.509.951 triệu đồng.
- Điều chỉnh tăng dự toán thu điều tiết ngân sách xã: 63.952 triệu đồng.
- Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh theo lĩnh vực năm 2025 sau điều chỉnh, số tiền: 4.505.000 triệu đồng. Trong đó:

- Điều tiết ngân sách Trung ương: 312.810 triệu đồng.
- Điều tiết ngân sách cấp tỉnh: 4.128.238 triệu đồng
- Điều tiết ngân sách xã: 63.952 triệu đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Trung tâm: Thông tin – Văn phòng UBND tỉnh; VTLT tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS (K 02b).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng



PHỤ LỤC
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 528/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu nội địa	Bao gồm																		Đơn vị tính: Triệu đồng	
				Thu từ khu vực DNNN trung ương	Thu từ khu vực DNNN địa phương	Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài	Thu từ khu vực CNV - NQD	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Lệ phí trước bạ	Thu phí và lệ phí	Thu tiền sử dụng đất	Thuế thu nhập cá nhân	Thu tiền thuế đất, mặt nước	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, k. sản	Thuế bảo vệ môi trường	Thu xổ số kiến thiết	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	Thu có tức và lợi nhuận còn lại	Thu khác ngân sách	Thu từ đầu thổ	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu		
A	B	1=2+3+4	2	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	2.7	2.8	2.9	2.10	2.11	2.12	2.13	2.14	2.15	2.16	3	4		
1	TỔNG SỐ	4.505.000	4.500.000	1.394.244	60.279	2.000	929.657	1.708	148.000	52.000	1.000.000	170.000	95.000	172.882	285.000	53.900	2.230	3.100	130.000	-	5.000		
	Điều tiết Ngân sách TW	312.810	307.810	-	-	-	-	-	-	13.700	-	-	-	101.710	114.000	-	-	-	78.400	-	5.000		
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	4.128.238	4.128.238	1.394.244	60.279	2.000	905.316	1.279	142.650	30.705	1.000.000	148.196	95.000	71.172	171.000	53.900	1.127	3.100	48.269	-	-		
	Điều tiết ngân sách xã	63.952	63.952	-	-	-	24.341	429	5.350	7.595	-	-	-	21.804	-	-	1.103	-	3.331	-	-		
	Thuế tỉnh	4.382.620	4.382.620	1.394.244	60.279	2.000	879.826	619	138.421	40.460	1.000.000	129.131	95.000	172.882	285.000	53.900	1.127	3.100	126.631	-	-		
2	Điều tiết Ngân sách TW	307.810	307.810	-	-	-	-	-	-	13.700	-	-	-	101.710	114.000	-	-	-	78.400	-	-		
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	4.074.810	4.074.810	1.394.244	60.279	2.000	879.826	619	138.421	26.760	1.000.000	129.131	95.000	71.172	171.000	53.900	1.127	3.100	48.231	-	-		
	Điều tiết ngân sách xã	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Phường Tô Hiệu	27.650	27.650	-	-	-	10.450	650	3.000	790	-	12.720	-	-	-	-	-	-	40	-	-		
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
3	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	19.250	19.250	-	-	-	7.315	455	2.100	476	-	8.904	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Điều tiết ngân sách xã	8.400	8.400	-	-	-	3.135	195	900	314	-	3.816	-	-	-	-	-	-	40	-	-		
	Phường Chiềng An	2.690	2.690	-	-	-	1.176	25	315	544	-	615	-	-	-	-	-	-	15	-	-		
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	1.729	1.729	-	-	-	784	14	210	343	-	378	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
4	Điều tiết ngân sách xã	961	961	-	-	-	392	11	105	201	-	237	-	-	-	-	-	-	15	-	-		
	Phường Chiềng Cỏi	3.266	3.266	-	-	-	560	80	955	151	-	1.495	-	-	-	-	-	-	25	-	-		
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	2.041	2.041	-	-	-	350	56	630	60	-	945	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Điều tiết ngân sách xã	1.226	1.226	-	-	-	210	24	325	92	-	550	-	-	-	-	-	-	25	-	-		
5	Phường Chiềng Sinh	5.996	5.996	-	-	-	2.120	51	660	345	-	2.795	-	-	-	-	-	-	25	-	-		
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25	-	-		
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	3.836	3.836	-	-	-	1.435	35	420	175	-	1.771	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Điều tiết ngân sách xã	2.160	2.160	-	-	-	685	16	240	170	-	1.024	-	-	-	-	-	-	25	-	-		
	Xã Thuận Châu	3.371	3.371	-	-	-	2.178	-	-	84	-	1.020	-	-	-	-	-	-	25	-	-		
6	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	22	-	-		
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	1.650	1.650	-	-	-	1.100	-	-	20	-	520	-	-	-	-	-	-	10	-	-		
	Điều tiết ngân sách xã	1.721	1.721	-	-	-	1.078	-	-	64	-	500	-	-	-	-	-	-	12	-	-		
	Xã Chiềng La	71	71	-	-	-	28	-	-	31	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
7	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Điều tiết ngân sách xã	71	71	-	-	-	28	-	-	31	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Xã Bình Thuận	239	239	-	-	-	143	-	-	17	-	62	-	-	-	-	5	-	12	-	-		
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
8	Điều tiết ngân sách xã	239	239	-	-	-	143	-	-	17	-	62	-	-	-	-	5	-	-	-	-		
	Xã Mường Khương	37	37	-	-	-	5	-	-	29	-	3	-	-	-	-	-	-	12	-	-		
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Điều tiết ngân sách xã	37	37	-	-	-	5	-	-	29	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
9	Xã Nậm Lều	19	19	-	-	-	-	-	-	19	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-											

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu nội địa	Bao gồm																	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu
				Thu từ khu vực ĐNNN trung ương	Thu từ khu vực ĐNNN địa phương	Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài	Thu từ khu vực CTN - NQD	Thuế sử dụng đất phi nông nghệ	Lệ phí trước bạ	Thu phí và lệ phí	Thu tiền sử dụng đất	Thuế thu nhập cá nhân	Thu tiền thuế đất, mặt nước	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, k. sản	Thuế bảo vệ môi trường	Thu xổ số kiến thiết	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	Thu có tức và lợi nhuận con lai	Thu khác ngân sách			
A	B	1=2+3+4	2	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	2.7	2.8	2.9	2.10	2.11	2.12	2.13	2.14	2.15	2.16	3	4	
18	Xã Phiêng Pàn	771	771	-	-	-	337	-	8	80	-	186	-	-	-	-	120	-	40	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	771	771	-	-	-	337	-	8	80	-	186	-	-	-	-	120	-	40	-	-	
19	Xã Chiềng Mung	3.550	3.550	-	-	-	2.117	17	49	650	-	394	-	-	-	-	290	-	33	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	1.547	1.547	-	-	-	1.108	-	-	439	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	2.003	2.003	-	-	-	1.009	17	49	211	-	394	-	-	-	-	290	-	33	-	-	
20	Xã Phiêng Cầm	1.107	1.107	-	-	-	730	-	1	329	-	17	-	-	-	-	-	-	30	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	700	700	-	-	-	484	-	-	216	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	407	407	-	-	-	245	-	1	113	-	17	-	-	-	-	-	-	30	-	-	
21	Xã Mường Chanh	225	225	-	-	-	32	-	6	26	-	27	-	-	-	-	90	-	45	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	225	225	-	-	-	32	-	6	26	-	27	-	-	-	-	90	-	45	-	-	
22	Xã Ta Hộc	4.026	4.026	-	-	-	2.710	-	18	1.193	-	85	-	-	-	-	-	-	20	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	2.625	2.625	-	-	-	1.803	-	-	822	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	1.401	1.401	-	-	-	907	-	18	371	-	85	-	-	-	-	-	-	20	-	-	
23	Xã Chiềng Sung	663	663	-	-	-	280	-	19	82	-	122	-	-	-	-	135	-	25	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	126	126	-	-	-	99	-	-	27	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	537	537	-	-	-	181	-	19	55	-	122	-	-	-	-	135	-	25	-	-	
24	Xã Yên Châu	6.345	6.345	-	-	-	4.122	-	169	588	-	1.187	-	-	-	-	-	-	279	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	2.963	2.963	-	-	-	2.321	-	-	152	-	490	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	3.382	3.382	-	-	-	1.801	-	169	436	-	697	-	-	-	-	-	-	279	-	-	
25	Xã Chiềng Hạc	749	749	-	-	-	316	-	23	88	-	174	-	-	-	-	-	-	148	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	23	88	-	174	-	-	-	-	-	-	148	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	749	749	-	-	-	316	-	85	95	-	283	-	-	-	-	-	-	52	-	-	
26	Xã Phiêng Khoai	746	746	-	-	-	231	-	85	95	-	283	-	-	-	-	-	-	52	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	746	746	-	-	-	231	-	85	95	-	283	-	-	-	-	-	-	52	-	-	
27	Xã Lũng Phiềng	483	483	-	-	-	142	-	21	72	-	120	-	-	-	-	-	-	128	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	49	49	-	-	-	49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	434	434	-	-	-	93	-	21	72	-	120	-	-	-	-	-	-	128	-	-	
28	Xã Yên Sơn	475	475	-	-	-	200	-	25	63	-	86	-	-	-	-	-	-	101	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	475	475	-	-	-	200	-	25	63	-	86	-	-	-	-	-	-	101	-	-	
29	Phường Mộc Châu	3.088	3.088	-	-	-	702	27	576	55	-	1.653	-	-	-	-	-	-	75	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	3.088	3.088	-	-	-	702	27	576	55	-	1.653	-	-	-	-	-	-	75	-	-	
30	Phường Mộc Sơn	2.932	2.932	-	-	-	780	26	515	40	-	1.530	-	-	-	-	-	-	41	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	2.932	2.932	-	-	-	780	26	515	40	-	1.530	-	-	-	-	-	-	41	-	-	
31	Phường Thào Nguyên	1.844	1.844	-	-	-	628	35	261	120	-	770	-	-	-	-	-	-	30	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	1.844	1.844	-	-	-	628	35	261	120	-	770	-	-	-	-	-	-	30	-	-	
32	Phường Văn Sơn	1.623	1.623	-	-	-	353	17	289	60	-	874	-	-	-	-	-	-	30	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	1.623	1.623	-	-	-	353	17	289	60	-	874	-	-	-	-	-	-	30	-	-	
33	Xã Lũng Sập	85	85	-	-	-	20	17	289	60	-	874	-	-	-	-	-	-	30	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	10	25	-	10	-	-	-	-	-	-	20	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	85	85	-	-	-	20	-	10	25	-	10	-	-	-	-	-	-	20	-	-	
34	Xã Đoàn Kết	241	241	-	-	-	71	-	16	46	-	76	-	-	-	-	-	-	31	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	241	241	-	-	-	71	-	16	46	-	76	-	-	-	-	-	-	31	-	-	
35	Xã Tân Yên	584	584	-	-	-	91	-	91	40	-	339	-	-	-	-	-	-	23	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	584	584	-	-	-	91	-	91	40	-	339	-	-	-	-	-	-	23	-	-	
36	Xã Chiềng Sơn	871	871	-	-	-	190	-	104	33	-	513	-	-	-	-	-	-	32	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Điều tiết ngân sách xã	871	871	-	-	-	190	-	104	33	-	513	-	-	-	-	-	-	32	-	-	
37	Xã Phú Yên	7.284	7.284	-	-	-	2.363	82	444	1.334	-	2.734	-	-	-	-	-	-	327	-	-	

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu nội địa	Bao gồm																		Thu từ đầu thô	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu
				Thu từ khu vực DNNN trung ương	Thu từ khu vực DNNN địa phương	Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài	Thu từ khu vực CTN - NQD	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Lệ phí trước bạ	Thu phí và lệ phí	Thu tiền sử dụng đất	Thuế thu nhập cá nhân	Thu tiền thuế đất, mặt nước	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản	Thuế bảo vệ môi trường	Thu xổ số kiến thiết	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	Thu cổ tức và lợi nhuận còn lại	Thu khác ngân sách				
A	B	I=2+3+4	2	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	2.7	2.8	2.9	2.10	2.11	2.12	2.13	2.14	2.15	2.16	3	4		
38	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-	-	-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	3.633	3.633				1.560	57	231	-		1.785								-			
	Điều tiết ngân sách xã	3.651	3.651				803	25	213	1.334		949								-			
	Xã Giu Phô	777	777				178		75	141		305								327			
39	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-	-	-	-		-								78			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-				-	-	-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách xã	777	777				178		75	141		305								-			
	Xã Mường Cốt	582	582				187		54	131		154								78			
40	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-	-	-	-		-								56			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	21	21				21		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách xã	561	561				166		54	131		154								-			
	Xã Mường Bang	167	167				-		5	94		19								56			
41	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-	-	-	-		-								49			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-				-	-	-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách xã	167	167				-		5	94		19								-			
	Xã Tượng Hạ	148	148				8		18	66		31								49			
42	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-	-	-	-		-								25			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-				-	-	-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách xã	148	148				8		18	66		31								-			
	Xã Kim Bôn	95	95				-		-	75		-								25			
43	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-		-	-		-								20			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách xã	95	95				-		-	75		-								-			
	Xã Tân Phong	95	95				10		2	54		7								20			
44	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-		-	-		-								22			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách xã	95	95				10		2	54		7								-			
	Xã Suối Tọ	25	25				5		-	18		2								22			
45	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	25	25				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách xã	25	25				5		18		2									-			
	Xã Bắc Yên	2.565	2.565				1.393		11	51		266		783		-	-	-	-	61	-	-	
46	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	1.568	1.568				868	7	28	147		490								-			
	Điều tiết ngân sách xã	997	997				525	4	23	119		293								28			
	Xã Tạ Xua	366	366				206	-	-	28		114		-	-	-	-	-	-	33			
47	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-		-	-		-								18			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách xã	-	-				-		-	-		-								-			
	Xã Xim Vàng	50	50				3		-	30		2		-	-	-	-	-	-	15	-	-	
48	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách xã	50	50				-		-	-		-								-			
	Xã Tạ Khos	161	161				45		-	66		30		-	-	-	-	-	-	15	-	-	
49	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-		-	-		-								20			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách xã	161	161				45		66	30		20		-	-	-	-	-	-	20			
	Xã Pắc Ngà	117	117				43		2	27		20		-	-	-	-	-	-	25	-	-	
50	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách xã	117	117				43		2	27		20		-	-	-	-	-	-	-			
	Xã Chiềng Sại	91	91				21		-	38		16		-	-	-	-	-	-	25	-	-	
51	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-		-	-		-								16			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách xã	91	91				21		38	16		16		-	-	-	-	-	-	-			
	Xã Mường La	4.317	4.317				2.319		30	50		263		-	1.610		-	-	-	46	-	-	
52	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	2.855	2.855				1.610	21	35	69		1.120								-			
	Điều tiết ngân sách xã	1.462	1.462				709	9	15	193		490								46			
	Xã Mường Bú	1.101	1.101				670		5	23		243		-	140		-	-	-	19	-	-	
53	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	462	462				350		-	-		112		-	-		-	-	-	-			
	Điều tiết ngân sách xã	639	639				320	5	23	131		140		-	-		-	-	-	19			
	Xã Chiềng Hoa	225	225				153		-	65		2		-	-		-	-	-	5	-	-	
54	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	121	121				105		-	-		16		-	-		-	-	-	-			
	Điều tiết ngân sách xã	104	104				48		-	-		49		2	-		-	-	-	5			
	Xã Chiềng Lao	95	95				24		2	49		14		-	-	-	-	-	-	7	-	-	
55	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách xã	95	95				24		2	49		14		-	-	-	-	-	-	-			
	Xã Ngọc Chiến	120	120				30		13	4		65		-	-	-	-	-	-	7	-	-	
56	Điều tiết Ngân sách TW	-	-				-		-	-		-								9			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-				-		-	-		-								-			
	Điều tiết ngân sách xã	120	120				30		13	4		65		-	-	-	-	-	-	-			
	Xã Quỳnh Nhai	1.491	1.491				870		-	144		433		-	-	-	-	-	-	31	-	-	

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu nội địa	Bao gồm																	Thu từ đầu thô	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu
				Thu từ khu vực DNNN trung ương	Thu từ khu vực DNNN địa phương	Thu từ khu vực dân cư nước ngoài	Thu từ khu vực CTN - NQD	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Lệ phí trước bạ	Thu phí và lệ phí	Thu tiền sử dụng đất	Thuế thu nhập cá nhân	Thu tiền thuế đất, mặt nước	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, khoáng sản	Thuế bảo vệ môi trường	Thu xổ số kiến thiết	Thu quốc lộ công ích và hoa lợi công sản	Thu cổ tức và lợi nhuận còn lại	Thu khác ngân sách			
A	B	1=2+3+4	2	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	2.7	2.8	2.9	2.10	2.11	2.12	2.13	2.14	2.15	2.16	3	4	
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-																			
	Điều tiết ngân sách xã	1.491	1.491				870			144		433					13		31			
57	Xã Mường Sại	30	30	-	-	-	8	-	-	16	-	6	-	-	-	-		-		-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-																			
	Điều tiết ngân sách xã	30	30				8			16		6										
58	Xã Mường Giôn	199	199	-	-	-	103	-	-	25	-	50	-	-	-	-	10	-	11	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-																			
	Điều tiết ngân sách xã	199	199				103			25		50					10		11			
59	Xã Mường Chiên	131	131	-	-	-	60	-	-	24	-	29	-	-	-	-		-	18	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-																			
	Điều tiết ngân sách xã	131	131				60			24		29							18			
60	Xã Sông Mã	4.792	4.792	-	-	-	2.108	-	538	372	-	1.699	-	-	-	-	-	-	75	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	3.028	3.028				1.434		364	81		1.150										
	Điều tiết ngân sách xã	1.763	1.763				674		174	292		548							75			
61	Xã Bó Sinh	80	80	-	-	-	11	-	-	48	-	6	-	-	-	-	-	-	15	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-																			
	Điều tiết ngân sách xã	80	80				11			48		6										
62	Xã Mường Lăm	336	336	-	-	-	147	-	6	80	-	70	-	-	-	-	-	-	15	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	40	40				39		1	-		-										
	Điều tiết ngân sách xã	296	296				109		4	80		70							35			
63	Xã Nậm Ty	156	156	-	-	-	35	-	5	39	-	35	-	-	-	-	-	-	42	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-																			
	Điều tiết ngân sách xã	156	156				35		5	39		35							42			
64	Xã Chiềng Sơ	300	300	-	-	-	149	-	3	58	-	25	-	-	-	-	20	-	45	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	84	84				84		-	-		-										
	Điều tiết ngân sách xã	216	216				65		3	58		25					20		45			
65	Xã Chiềng Khoang	437	437	-	-	-	93	-	29	74	-	112	-	-	-	-	44	-	85	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-																			
	Điều tiết ngân sách xã	437	437				93		29	74		112					44		85			
66	Xã Huổi Mệt	155	155	-	-	-	11	-	9	38	-	29	-	-	-	-	25	-	43	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-																			
	Điều tiết ngân sách xã	155	155				11		9	38		29					25		43			
67	Xã Mường Hung	334	334	-	-	-	49	-	33	89	-	94	-	-	-	-	25	-	43	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	6	6				6		-	-		-										
	Điều tiết ngân sách xã	328	328				43		33	89		94					26		43			
68	Xã Chiềng Khương	456	456	-	-	-	123	-	36	80	-	132	-	-	-	-	15	-	71	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	18	18				18		-	-		-										
	Điều tiết ngân sách xã	438	438				105		36	80		132					15		71			
69	Xã Sốp Cộp	1.913	1.913	-	-	-	882	-	120	195	-	682	-	-	-	-	15	-	34	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	36	36				36		-	-		-										
	Điều tiết ngân sách xã	1.878	1.878				846		120	195		682							34			
70	Xã Púng Bính	119	119	-	-	-	34	-	-	28	-	2	-	-	-	-	-	-	55	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	20	20				20		-	-		-										
	Điều tiết ngân sách xã	98	98				13		-	28		2							55			
71	Xã Mường Lạn	91	91	-	-	-	24	-	1	26	-	16	-	-	-	-	-	-	25	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-																			
	Điều tiết ngân sách xã	91	91				24		1	26		16							25			
72	Xã Mường Lèo	27	27	-	-	-	10	-	-	7	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	7	7				7					-										
	Điều tiết ngân sách xã	20	20				3			7												
73	Xã Vân Hồ	2.291	2.291	-	-	-	1.340	-	130	126	-	557	-	-	-	-	-	-	139	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-																			
	Điều tiết ngân sách xã	2.291	2.291				1.340		130	126		557							139			
74	Xã Tô Múa	678	678	-	-	-	206	-	30	36	-	118	-	-	-	-	-	-	288	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-																			
	Điều tiết ngân sách xã	678	678				206		30	36		118							288			
75	Xã Sông Khũa	180	180	-	-	-	103	-	30	48	-	5	-	-	-	-	-	-	19	-	-	
	Điều tiết Ngân sách TW	-	-																			
	Điều tiết ngân sách cấp tỉnh	-	-																			

[illegible]